TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05265

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD205

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11120104	BÙI THỊ TÚY	PHƯỢNG	DH11KT	1		10	8	9,25	9,0	9	0
2	11121003	ĐOÀN THỊ KIM	PHƯỢNG	DH11KT	1		10	7	8,5	8,2	8	2
3	11155031	PHẠM HỒNG	QUÂN	DH11KN	1		10	8,5	7	7,8	7	8
4	11155010	LÊ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	DH11KN	1		10	8	6,5	7,3	7	3
5	11120117	PHAN THANH	SANG	DH11KT	1		10	8	9	8,8	8	8
6	11120122	TRẦN THỊ THANH THANH	TÂM	DH11KT	1		8	7,5	7,5	7,6	7	6
7	11120015	LÊ CÔNG	THẠCH	DH11KT	1		10	6	9	8,2	8	2
8	11120086	PHAN THỊ THANH	THẢO	DH11KT	1		10	6,5	7,75	7,6	7	6
9	11155049	VŨ THU	THẢO	DH11KN	1		10	8	8,75	8,7	8	7
10	11155045	PHAN THỊ	THẮM	DH11KN	1		10	8,5	9	9,0	9	0
11	11150067	NGUYỄN BẢO	THI	DH11TM	2		8	7,5	8	7,9	7	9
12	11122035	NGUYỄN KHÂM	THIÊN	DH11QT	1		10	8	8,75	8,7	8	7
13	11120045	HUỲNH THỊ	THOẠI	DH11KT	1		10	7	8,25	8,1	8	1
14	11122114	ĐẶNG THỊ NGỌC	THƠI	DH11QT	1		10	8,5	5,75	7,0	7	0
15	11120075	PHẠM ANH	THƠ	DH11KT	1		10	8,5	8,25	8,5	8	5
16	11150011	HOÀNG KIM	THU	DH11TM	1		10	8,5	8,75	8,8	8	8
17	11122141	NGUYỄN THỊ	THU	DH11QT	1		10	7,5	8,75	8,5	8	5
18	11155016	VÕ THỊ LỢI	TIẾN	DH11KN	1		10	8	7	7,6	7	6

Số bài: 33 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Thanh Hùng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 13 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05265

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD205

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 003 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11120107	NGUYỄN NGỌC	TÍN	DH11KT	1		10	7	6	6,7	6	7
20	11122046	LÊ THANH	TỊNH	DH11QT	2		10	8,5	8,75	8,8	8	8
21	11120123	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	DH11KT	1		10	6	9	8,2	8	2
22	11155039	TRIỆU THỊ NGỌC	TRÂM	DH11KN	1		8	7,5	8,5	8,2	8	2
23	11120050	PHẠM MINH	TRÍ	DH11KT	1		10	7,5	4	5,7	5	7
24	12122255	LƯU PHƯƠNG	TRINH	DH12TC	1		10	8	6,75	7,5	7	5
25	11155027	DƯƠNG THÙY	TRÚC	DH11KN	2		8	7,5	9	8,5	8	5
26	11120113	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	DH11KT	1		10	8	7,75	8,1	8	1
27	11120079	PHAN THANH	TRÚC	DH11KT	1		10	6,5	8,5	8,1	8	1
28	11122123	LÊ THỊ	TÚ	DH11QT	2		10	7,5	8,75	8,5	8	5
29	11120101	TRẦN HOÀNG ANH	TUẤN	DH11KT	1		10	8	6	7,0	7	0
30	11122125	HỒ THỊ TUYẾT	VÂN	DH11QT	1		10	7	8,5	8,2	8	2
31	10122197	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	DH10QT	1		10	0	7	5,2	5	2
32	11120077	NGUYỄN XUÂN	VIỆT	DH11KT	1		10	7	9	8,5	8	5
33	11150098	TRẦN THỤY NHƯ	Ý	DH11TM	1		6	7	8	7,5	7	5

Số bài: 33 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Lê Hoàng T. Dung

Lê Thanh Hưng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

TS Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Thái Anh Hòa

Ngày 17 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05264

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	11155022	TRẦN THỊ DIỄM	HƯƠNG	DH11KN	1		10	7,5	8	8,1	8	1
2	11122016	TRẦN MINH	KHƯƠNG	DH11QT	1		10	8	8,5	8,5	8	5
3	11155051	NGUYỄN PHAN HOÀNG	KIM	DH11KN	1		10	7,5	8,75	8,5	8	5
4	11122020	NGUYỄN THỊ	LÊ	DH11QT	1		10	7	7,5	7,6	7	6
5	11150046	PHẠM THỊ KIM	LIÊN	DH11TM	1		10	8,5	8,75	8,8	8	8
6	11120008	ĐINH VIỆT PHƯƠNG	LINH	DH11KT	1		10	6	8,75	8,1	8	1
7	11120090	NGUYỄN THỊ THU	LINH	DH11KT	1		10	7	9	8,5	8	5
8	11155029	TRẦN NGỌC NHẬT	LINH	DH11KN	1		10	7,5	8,75	8,5	8	5
9	11122022	TRẦN THÙY	LINH	DH11QT	1		10	8	7,5	7,9	7	9
10	11164041	NGUYỄN THỊ QUỲNH	LOAN	DH11TC	1		10	7,5	8	8,1	8	1
11	12120327	LÊ ĐÌNH PHI	LONG	DH12KT	1		10	8,5	7,25	7,9	7	9
12	11120036	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	DH11KT	1		10	6,5	8,25	7,9	7	9
~~13~~	~~11120069~~	~~NGUYỄN TIẾN~~	~~LONG~~	~~DH11KT~~								
14	11150048	BÙI TUẤN	LỘC	DH11TM	1		10	8	5	6,4	6	4
15	12122108	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MINH	DH12TC	1		10	6	7	7,0	7	0
16	11150051	NGUYỄN KHÁNH	NGÂN	DH11TM	2		10	8,5	5	6,6	6	6
17	12155019	VÕ TRỌNG	NGHĨA	DH12KN	1		10	0	7,5	5,5	5	5
~~18~~	~~11121009~~	~~NGUYỄN PHƯỚC NGUYÊ~~	~~NGỌC~~	~~DH11KT~~								

Số bài:.....30.....; Số tờ:.....32.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nhan Phan Thị Lệ Hằng

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Thái Anh Hòa

Ngày 13 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05264

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD204 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (30 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	11120038	TRẦN THỊ MINH	NGỌC	DH11KT	1	Ngọc	6	8	8	7,8	7	8
20	11150053	ĐÀM THỊ THẢO	NGUYÊN	DH11TM	1		10	8,5	9	9,0	9	0
21	11120102	NGUYỄN THỤY THẢO	NGUYÊN	DH11KT	1	Nguyên	10	6	8,5	7,9	7	9
22	11120089	NGUYỄN HIỀN	NHÂN	DH11KT	1	Nhan	10	8	8,75	8,7	8	7
23	10122111	NGÔ THỊ XUÂN	NHI	DH10QT	1		10	8	8,75	8,7	8	7
24	11122094	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH11QT	1		10	8	8,5	8,5	8	5
25	11155024	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH11KN	1	Thuhr	6	7,5	7,5	7,4	7	4
26	11122139	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	DH11QT	1		10	7	9	8,5	8	5
27	11120116	PHẠM THANH	NÚI	DH11KT	1		10	7	9	8,5	8	5
28	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	DH11QT	1		10	8	7,75	8,1	8	1
29	11155054	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	DH11KN	2		10	7,5	8,75	8,5	8	5
30	11155025	CHÂU THỊ KIM	PHỤNG	DH11KN	1		10	7,5	8,75	8,5	8	5
31	11150096	HUỲNH THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH11TM	1		10	8,5	8,75	8,8	8	8
32	11120095	PHẠM HÀ	PHƯƠNG	DH11KT	1		10	6	3	4,6	4	6

Số bài:....30.....; Số tờ:....32....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Phan Thị Lệ Hằng

Ngô T. Nhã Trúc

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

TS. Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Thái Thu Hoa

Ngày 13 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 05396

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2

Ngày Thi : 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203

Nhóm Thi : Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ 1 (10 %)	Đ 2 (30 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	12120041	THÁI THANH THÚY	AN	DH12KT	1		10	8,5	7,75	8,2	8	2
2	11150099	TRƯƠNG ĐOÀN TÚ	ANH	DH11TM	1		8	8,5	6,5	7,3	7	3
3	11122055	VÕ THỊ NGỌC	ANH	DH11QT	1		10	7,5	8	8,1	8	1
4	10122015	TRẦN HUỲNH	BÁCH	DH10QT	1		10	8	7,75	8,1	8	1
5	11155028	NGUYỄN HẢI	BẰNG	DH11KN	1		10	8	7,5	7,9	7	9
6	11155011	NGUYỄN PHÚC	CẢNH	DH11KN	1		10	8	6,5	7,3	7	3
7	11120103	NGÔ THỊ THANH	CẨM	DH11KT	1		10	8	9	8,8	8	8
8	11122057	TRỊNH ĐỨC	CHÂU	DH11QT	1		10	8,5	7,75	8,2	8	2
9	11122002	HUỲNH THỊ LAN	CHI	DH11QT	1		10	8	9,5	9,1	9	1
10	11150019	PHAN THỊ	DIỆU	DH11TM	2		10	7,5	9	8,7	8	7
11	11164014	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	DH11TC	1		4	7,5	7,75	7,3	7	3
12	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	DH11KN	1		10	7,5	8,75	8,5	8	5
13	10122029	HUỲNH KHƯƠNG	DUY	DH10QT	1		10	8	7,25	7,8	7	8
14	11150033	TRẦN THỊ THÚY	DUY	DH11TM	2		10	8,5	8,5	8,7	8	7
15	11120003	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	DH11KT	1		10	6	8,75	8,1	8	1
16	11164039	NGUYỄN TRƯƠNG KỲ	DUYÊN	DH11TC	1		10	7,5	7,75	7,9	7	9
17	11155003	BÙI TẤN	ĐẠT	DH11KN	1		10	8,5	8,25	8,5	8	5
18	11150001	DƯƠNG XUÂN	ĐIỀU	DH11TM	2		10	7	7	7,3	7	3

Số bài:....35.....; Số tờ:....38.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Tính

Nguyễn Thị Thanh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Thái Anh Hoa

Ngày 13 tháng 2 năm 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 05396

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 1 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phương pháp NCKH (208403) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 16/01/14 Giờ thi: 09g30 - phút Phòng thi HD203 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (10 %)	Đ2 (30 %)	Điểm thi (60 %)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10122042	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	DH10QT	1		10	8	8,5	8,5	8	5
20	11122050	ĐỒNG THỊ THANH	HẰNG	DH11QT	1		10	8	9	8,8	8	8
21	11120030	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	DH11KT	1		10	8,5	8,75	8,8	8	8
22	11150085	VÕ THỊ	HIỀN	DH11TM	1		8	7,5	7,75	7,7	7	7
23	11120070	ĐẶNG NGỌC	HIỆP	DH11KT	1		10	8	5,5	6,7	6	7
24	10122063	ĐỖ PHƯỚC	HÒA	DH10QT	1		6	6,5	8,5	7,7	7	7
25	10122060	TRỊNH XUÂN	HÒA	DH10QT	1		10	6,5	8	7,8	7	8
26	11122072	NGUYỄN THỊ	HOÀI	DH11QT	1		10	7	6,5	7,0	7	0
27	11122130	ĐẶNG HỒNG	HUẾ	DH11QT	1		10	8,5	8,25	8,5	8	5
28	11120064	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	DH11KT	1		8	7,5	3,25	5,0	5	0
29	10155002	NGUYỄN ĐÌNH	HUY	DH10KN	1		10	6	5,5	6,1	6	1
30	11122010	PHAN ĐÌNH	HUY	DH11QT	1		10	8,5	5,5	6,9	6	9
31	11155042	HUỲNH NGỌC	HUYỀN	DH11KN	1		10	7,5	7,5	7,8	7	8
32	11120065	NGUYỄN THỊ	HƯNG	DH11KT	1		10	8,5	8,25	8,5	8	5
33	10122073	NGUYỄN THỊ KIM	HƯƠNG	DH10QT	1		10	0	6	4,6	4	6
34	12122042	TRẦN QUANG	PHÚC	DH12TM	1		10	7	6	6,7	6	7
35	12122311	ĐỖ THỊ CẨM	THƠ	DH12TM	1		10	8	7,5	7,9	7	9

Số bài:.....; Số tờ:.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Văn Kính

Nguyễn Thị Hạnh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

TS. Trần Độc Lập

Cán bộ chấm thi 1&2

Thái Anh Hòa

Ngày 13 tháng 2 năm 2014